UNIT 2: CULTURAL DIVERSITY – LISTENING

1. Before You Listen Unit 2 lớp 12

Work with a partner. Discuss the following questions. *(Hãy làm việc với bạn học. Thảo luận những câu hỏi sau.)*

1. Have you ever attended a wedding ceremony? *(Em đã bao giờ tham dự một lễ cưới nào chưa?)*

2. What do the bride and the groom usually do at the wedding ceremony? *(Tại đám cưới, cô dâu và chú rể thường làm những gì?)*

Guide to answer

1. Yes, I have. I attended my relative's wedding. *(Có. Em đã từng tham dự đám cưới của họ hàng của mình.)*

2. The bride and the groom usually stand in front of their ancestors' altar praying and asking them to bless their love and they wear rings and other jewelry to each other. Afterwards, the bride's and the groom's parents and relatives give them presents or jewels. Then the bride and the groom come over to present themselves to their grandparents, families' members and relatives. At the end, they have a party either at home or at a restaurant. *(Cô dâu và chú rể thường đứng trước bàn thờ tổ tiên của họ cầu nguyện và yêu cầu họ chúc lành cho tình yêu của họ và họ đeo nhẫn và đồ trang sức khác với nhau. Sau đó, bố mẹ cô dâu và chú rể và người thân tặng quà cho họ hoặc đồ trang sức. Sau đó, cô dâu và chú rể đi đến để giới thiệu mình với ông bà, các thành viên gia đình và họ hàng. Cuối cùng họ có một buổi tiệc ở nhà hoặc ở nhà hàng.)*

2. While You Listen Unit 2 lớp 12

2.1. Task 1 Unit 2 Lớp 12

Listen to the passage and fill in the missing information. *(Nghe đoạn văn và điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống.)*

1. The wedding day is carefully chosen by the .....

2. The gifts are wrapped in .....

3. The wedding ceremony starts in front of the .....

4. Food and drinks are served .....

5. The guests give the newly wedded couples envelopes containing ..... and .....

Guide to answer

1. The wedding day is carefully chosen by the **groom's parents.**

2. The gifts are wrapped in **red paper.**

3. The wedding ceremony starts in front of the **family or ancestors' altar.**

4. Food and drinks are served **at the wedding banquet.**

5. The guests give the newly wedded couples envelopes containing **money** and **gifts.**

Tạm dịch

1. Ngày đám cưới được chọn cẩn thận bởi bố mẹ của chú rể.

2. Quà cưới được bọc trong giấy đỏ.

3. Lễ cưới bắt đầu trước bàn thờ tổ tiên của gia đình.

4. Thức ăn và đồ uống được phục vụ tại tiệc cưới.

5. Khách mời tặng đôi vợ chồng mới cưới tiền và quà.

2.2. Task 2 Unit 2 lớp 12

Listen again and answer the questions *(Nghe lại và trả lời câu hỏi)*

1. What is the most important thing the groom's family has to do on the wedding day? *(Điều quan trọng nhất gia đình chú rể phải làm trong ngày cưới là gì?)*

2. What would the groom and the bride usually do during the wedding ceremony? *(Chú rể và cô dâu sẽ làm gì trong suốt lễ cưới?)*

3. When do the groom and the bride exchange their wedding rings? *(Khi nào chú rể và cô dâu trao nhẫn cưới cho nhau?)*

4. Where is the wedding banquet usually held? *(Tiệc cưới thường được tổ chức ở đâu?)*

5. What do the groom, the bride and their parents do at the wedding banquet? *(Chú rể, cô dâu và bố mẹ họ làm gì trong tiệc cưới?)*

Guide to answer

1. The most important thing the groom's family has to do on the wedding day is to go to the bride's house bringing gifts wrapped in red paper. *(Điều quan trọng nhất mà gia đình chú rể phải làm trong ngày cưới là đến nhà của cô dâu mang quà bọc trong giấy đỏ.)*

2. They would pray, asking their ancestors' permission to get married. *(Họ sẽ cầu nguyện và xin tổ tiên của họ ban phước cho tình yêu của họ từ bàn thờ của gia đình.)*

3. After they pray to their ancestors. *(Sau khi họ cầu nguyện cho tổ tiên của họ.)*

4. The wedding banquet is usually held either at the groom's and bride's home or at a restaurant. *(Tiệc cưới thường được tổ chức tại nhà chú rể và nhà cô dâu hoặc tại nhà hàng.)*

5. They come up to each table to thank their guests. *(Họ đến từng bàn để cảm ơn khách của họ.)*

3. After You Listen Unit 2 lớp 12

Work in groups. Discuss the question: What do families often do to prepare for a wedding ceremony? *(Hoạt động theo nhóm. Thảo luận câu hỏi: Các gia đình thường chuẩn bị gì cho nghi thức đám cưới?)*

Guide to answer

A. The wedding ceremony is a very important occasion to every Vietnamese family.

B. Sure it is. It's one of the most important of the Vietnamese traditional ceremonies. Therefore, it must be well prepared.

C. There's no doubt about it. Then, what do families do for it?

D. I think the ceremony must be prepared for weeks before the scheduled day.

A. What should they do?

B. Well. As I know, both families must decorate their houses, especially the family's altars. All things must be clean or new, and gorgeous!

C. Next, they send invitation cards to relatives, friends and neighbors, usually ten days before. For people who live nearby, they must come to invite them in person.

A. That's right. They also have to make a reservation at a restaurant for the wedding reception, or do all things necessary for it.

C. And the most important thing the groom's parents must do is that they must prepare all things, for example jewels, money, presents, for the wedding day.

D. Besides, the groom's parents should choose the people who will accompany the groom - bringing the trays of gifts - to go to the bride's house.

A. That sounds great. What a solemn ceremony!

Tapescript Listening Unit 2 Lớp 12

The conversation between Tourist (T) and Tour Guide (TG)

WEDDING IN VIETNAM

T: Can you tell me something about the wedding ceremony in Vietnam?

T.G: Well, wedding is very important to the Vietnamese, not only to the couple involved but also for both families. The wedding day is usually chosen by the groom's parents.

T: What does the groom's family do on the wedding day?

T.G: On the wedding day, the groom's family and relatives go to the bride's house bringing gifts wrapped in red papers. The people who hold the trays of gifts are also carefully chosen.

T: Do you have the Master of Ceremonies? And what does he do during the wedding ceremony?

T.G: The Master of Ceremonies introduces the groom, the bride, the parents, the relatives and guests of the two families. The wedding ceremony starts in front of the altar. The bride and the groom would pray, asking their ancestors' permission to be married. The Master of Ceremonies would give the wedding couple advice on starting a new family. The groom and the bride then exchange their wedding rings.

T: Where is the wedding banquet held?

T.G: Well, it depends. Often the wedding banquet is held at the groom or bride's home or at a hotel or at a restaurant and all close relatives, friends and neighbors are invited.

T. What kind of food and drinks are served?

TG: Traditional food and beer or wines are served. During the reception, the groom and bride and their parents stop by each table to thank their guests. The guests in return, will give envelopes containing wedding cards and money gifts to the newly wedded couples along with their blessings.

T: Oh. That's very interesting. Thank you.

T.G: You're welcome.

www.eLib.vn

Phần dịch bài nghe Unit 2 tiếng Anh 12

T: Bạn có thể nói cho tôi nghe một vài điều về nghi lễ cưới hỏi ở Việt Nam không?

T.G: Tốt thôi, đám cưới có ý nghĩa quan trọng đối với người Việt Nam, không chỉ là đối với những cặp đôi quen nhau mà còn với cả gia đình hai bên. Ngày cưới cũng do bố mẹ chú rể lựa chọn.

T: Gia đình chú rể thường làm gì trong ngày cưới?

T.G: Vào ngày cưới, gia đình và họ hàng chú rể mang sính lễ cưới gói trong giấy hỷ đến nhà cô dâu. Những người bưng khay quà cũng được tuyển chọn một cách cẩn thận.

T: Có ai phụ trách cho nghi lễ không? Và họ làm gì trong suốt lễ cưới diễn ra?

T.G: Có chứ, chúng tôi có một vị chủ hôn người đứng ra giới thiệu chú rể, cô dâu, bố mẹ, họ hang và khách mời của hai bên gia đình. Lễ kết hôn bắt đầu ở trước bàn thờ gia tiên. Cô dâu và chú rể cùng nhau cầu nguyện, xin phép sự chứng giám của tổ tiên để được kết hôn. Chủ hôn khuyên dạy cặp vợ chồng trẻ vài điều khi bước chân vào gia đình mới. Chú rể và cô dâu sau đó sẽ trao nhẫn cưới cho nhau.

T: Tiệc cưới được tổ chức ở đâu?

T.G: Điều đó còn tùy. Thông thường thì tiệc cưới được tổ chức tại nhà chú rể và nhà cô dâu hoặc tại khách sạn hay nhà hàng nào đó cùng với sự góp mặt của họ hàng, bạn bè và hàng xóm của hai bên.

T: Những loại đồ ăn và thức uống nào được phục vụ trong tiệc cưới?

T.G: Đồ ăn truyền thống, bia hoặc rượu đều được phục vụ. Trong suốt buổi tiệc, chú rể, cô dâu và bố mẹ họ đi đến từng bàn tiệc để cảm ơn các vị khách. Các vị khách sẽ tặng họ những phong bì trong đó có thiệp mừng đám cưới và tiền mừng cùng với những lời cầu chúc.

T: Oh, thật thú vị. Cảm ơn.

T.G: Không có gì đâu.

4. Practice

Listen again and decide if the statements are (T), (F) or (NG) *(Nghe lại một lần nữa và xác định những câu sau là đúng, sai không được đề cập đến)*

1. The wedding ceremony must be held in the groom's house.

2. Both families must decorate their houses.

3. The wedding ceremony starts at the gate of the house.

4. The groom and the bride come up to each table to thank their relatives and friends.

5. The guests give the groom and the bride money and gifts.

www.eLib.vn

5. Conclusion

Qua bài học này, các em cần ghi nhớ một số từ vựng quan trọng trong bài học như sau:

- altar ['ɔltə] (n): bàn thờ
- wedding banquet ['wedɪŋ'bæŋkwɪt] (n): tiệc đám cưới
- wedding ceremony (n): hôn lễ
- wedding day (n): ngày cưới
- wedding ring (n): nhẫn cưới
- wedding card (n): thiệp mời đám cưới
- the couple ['kʌpl] (n): cặp vợ chồng
- to be wrapped (v): được gói
- tray [trei] (n): cái khay
- to be charge of sb/sth (v): đảm trách
- Master of ceremonies (MC) (n): chủ lễ, người dẫn chương trình
- ancestor ['ænsistə] (n): tổ tiên
- to ask their ancestors' permission (v): xin phép ông bà
- to be/get married to sb (v): lấy ai
- to exchange [ɪks'ʧeɪndʒ] (v): trao đổi
- reception [ri'sepʃn] (n): tiệc chiêu đãi
- in return (v): để đền đáp lại, để trả lại
- envelope [in'veləp] (n): phong bì
- blessing ['blesiŋ] (n): lời cầu chúc

www.eLib.vn